TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 30 - 7 - 2025.
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lường Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp;

Bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lò Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lường Thị P; sinh năm: 1991; nơi cư trú: Bản D, xã TC, tỉnh Sơn La (trước là Bản D, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La). Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn K; sinh năm: 1990; nơi cư trú: Bản D, xã TC, tỉnh Sơn La (trước là Bản D, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2025, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lường Thị P trình bày:

Về tình cảm: Chị Lường Thị P và anh Lò Văn K kết hôn với nhau từ ngày 20/8/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã TC, tỉnh Sơn La). Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hoà hợp, bất đồng trong quan điểm sống, anh Lò Văn K thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị Lường Thị P và không quan tâm đến cuộc sống gia đình, chị Lường Thị P và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Lò Văn K không thay đổi và đã được hai bên gia đình hoà giải

nhưng không thành, hiện nay chị Lường Thị P đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Lường Thị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Lường Thị P yêu cầu được ly hôn với anh Lò Văn K.

Về con chung: Chị Lường Thị P và anh Lò Văn K có 02 con chung: Cháu Lò Văn P, sinh ngày 10/10/2010; cháu Lò Thanh N, sinh ngày 17/7/2016. Nay ly hôn chị Lường Thị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thanh N và tự nguyện giao cháu Lò Văn P cho anh Lò Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lường Thị P không yêu cầu anh Lò Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Cam đoan không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lò Văn K, anh Lò Văn K không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Do vậy không có lời khai của anh Lò Văn K đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị P.

Biên bản xác minh ngày 16/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La) về tình trạng hôn nhân của chị Lường Thị P và anh Lò Văn K: Chị Lường Thị P và anh Lò Văn K có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã TC, tỉnh Sơn La) từ ngày 20/8/2025. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn tính tình không hoà hợp, hay cãi vã lẫn nhau. Hiện nay chị Lường Thị P và anh Lò Văn K đã sống ly thân.

Ý kiến của cháu Lò Thanh N, sinh ngày 17/7/2016 là con chung của chị Lường Thị P, anh Lò Văn K, nguyện vọng của cháu muốn được ở cùng chị Lường Thị P (mẹ đẻ của cháu).

Ý kiến của các cháu Lò Văn P, sinh ngày 10/10/2010 là con chung của chị Lường Thị P, anh Lò Văn K, nguyện vọng của cháu muốn được ở cùng anh Lò Văn K (bố đẻ của cháu).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ: Nguyên đơn chị Lường Thị P nhất trí không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, không yêu cầu Toà án triệu tập đương sự khác và người tham gia tố tụng khác. Bị đơn anh Lò Văn K vắng mặt không có lý do.

Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/6/2025 nguyên đơn chị Lường Thị P trình bày do bận công việc, nên không thể có mặt để tham dự phiên toà, chị Lường Thị P đề nghị xét xử vắng mặt. Ý kiến của chị Lường Thị P về việc giải quyết vụ án: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về tình cảm: Yêu cầu được ly hôn với anh Lò Văn K; về con chung có 02 con chung: Nay ly hôn chị Lường Thị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thanh N và tự nguyện giao cháu Lò Văn P cho anh Lò Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp

dưỡng nuôi con chung; tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết; nợ chung: Cam đoan không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lường Thị P đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lò Văn K đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lường Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lò Văn K đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, 228 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị P được ly hôn với anh Lò Văn K.

Về con chung: Giao cháu Lò Thanh N, sinh ngày 17/7/2016 cho chị Lường Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dương, giáo dục và giao cháu Lò Văn P, sinh ngày 10/10/2010 cho anh Lò Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dương, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Cam đoan không có.

Về án phí*:* Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Lường Thị P khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Lò Văn K có địa chỉ tại xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã TC, tỉnh Sơn La). Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH 15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Toà án.

Nguyên đơn chị Lường Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lò Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, anh Lò Văn K vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị chị Lường Thị Phiển, bị đơn anh Lò Văn K.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lường Thị P và anh Lò Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã TC, tỉnh Sơn La) vào ngày 20/8/2013, đúng theo quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, chị Lường Thị P cho rằng anh Lò Văn K không quan tâm đến cuộc sống gia đình, đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay chị Lường Thị P và anh Lò Văn K đã sống ly thân. Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương xác nhận chị Lường Thị P và anh Lò Văn K có phát sinh mâu thuẫn và hiện nay chị Lường Thị P và anh Lò Văn K đã sống ly thân. Anh Lò Văn K đã được Toà án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai và hoà giải, anh Lò Văn K không có mặt, do vậy Toà án không có lời khai và không tiến hành hoà giải được, điều này chính tỏ anh Lò Văn K không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị Lường Thị P và anh Lò Văn K tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xử cho chị Lường Thị P được ly hôn với anh Lò Văn K. Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung:

Chị Lường Thị P và anh Lò Văn K có 02 con chung: Cháu Lò Văn P, sinh ngày 10/10/2010; cháu Lò Thanh N, sinh ngày 17/7/2016. Chị Lường Thị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Thanh N và giao cháu Lò Văn P cho anh Lò Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành.

HĐXX xét thấy: Nguyện vọng của cháu Lò Văn P muốn ở cùng anh Lò Văn K, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lò Văn K không có mặt tại Toà án để trình bày lời khai, trình bày ý kiến về việc người trực tiếp nuôi con chung, quá trình xác minh tại chính quyền địa phương hiện nay anh Lò Văn K thường xuyên vắng nhà nên không có đủ căn cứ để giao cháu Lò Văn P cho anh Lò Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cần giao cháu Lò Văn P, sinh ngày 10/10/2010; cháu Lò Thanh N, sinh ngày 17/7/2016 của chị Lường Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật mới đảm bảo quyền lợi về

mọi mặt của các con chưa thành niên. Chị Lường Thị P không yêu cầu anh Lò Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung, cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn anh Lò Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Cam đoan không có.

[6]. Về án phí: Chị Lường Thị P phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH 15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Lường Thị P được ly hôn với anh Lò Văn K.

2. Về con chung:

Chị Lường Thị P và anh Lò Văn K có 02 con chung: Cháu Lò Văn P, sinh ngày 10/10/2010; cháu Lò Thanh N, sinh ngày 17/7/2016.

Giao cháu Lò Văn P, sinh ngày 10/10/2010; cháu Lò Thanh N, sinh ngày 17/7/2016 cho chị Lường Thị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng: Anh Lò Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Chị Lường Thị P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số: 0002747, ngày 21/5/2025.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lường Thị P; bị đơn anh Lò Văn K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 - Sơn La(2 bản);
- UBND xã TC, tỉnh Sơn La,
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Thị Hương